

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định phân cấp quản lý đề điều
và tổ chức lực lượng quản lý đề nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều; số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 về thành lập và quản lý quỹ phòng, chống thiên tai; số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đề điều trong mùa lũ;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đề nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 999/TTr-SNNMT ngày 10/9/2025 (kèm Báo cáo thẩm định số 2259/BC-STP ngày 07/8/2025 của Sở Tư pháp); thực hiện kết luận phiên họp ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh (Thông báo số 517/TB-UBND ngày 19/9/2025) và của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh (Thông báo số 08-TB/ĐU ngày 19/9/2025);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định phân cấp quản lý đê điều và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý đê điều và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02/10/2025 và thay thế Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý đê điều và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, nội dung giao quản lý công trình đê điều tại Văn bản số 4535/UBND-NL₁ ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh về tiếp nhận, quản lý các công trình thủy lợi, đê điều, cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp hết hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định theo văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản và QLXVHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý đề điều và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp công tác quản lý đề điều và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đề điều được phân cấp quản lý, bảo vệ ở Quy định này gồm: đê; kè bảo vệ đê; cống qua đê và công trình phụ trợ theo quy định của Luật Đề điều.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các địa phương, đơn vị được giao quản lý công trình đề điều và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ đề điều, lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc quy định về phân cấp của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ đề điều cho các địa phương, đơn vị nhằm phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đề điều.

3. Đẩy mạnh phân cấp, xác định rõ trách nhiệm của các địa phương, đơn vị; bảo đảm sự phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của địa phương, đơn vị được phân cấp quản lý.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP

Điều 4. Quản lý tuyến đê La Giang (đê cấp II)

1. Giao Chi cục Thủy lợi sử dụng lực lượng quản lý đê chuyên trách thuộc biên chế Chi cục để thực hiện nhiệm vụ quản lý tuyến đê La Giang (bao gồm công trình phụ trợ trừ cống qua đê). Ủy ban nhân dân cấp xã có đê đi qua có

trách nhiệm phối hợp với Chi cục Thủy lợi trong việc quản lý đê La Giang. *(Chi tiết cụ thể như Phụ lục 1 kèm theo).*

2. Trách nhiệm của Chi cục Thủy lợi: Tổ chức quản lý tuyến đê La Giang theo đúng quy định của Luật Đê điều, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của lực lượng quản lý đê chuyên trách được quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật Đê điều, khoản 5 Điều 2 Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều sửa đổi năm 2020 trong công tác quản lý, bảo vệ tuyến đê La Giang.

3. Trách nhiệm của UBND cấp xã có tuyến đê La Giang đi qua:

a) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc xử lý vi phạm hành chính về đê điều theo quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

b) Triển khai công tác tuần tra, canh gác đê theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Đê điều và Thông tư 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ; Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

c) Thực hiện trách nhiệm hộ đê theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Luật Đê điều; Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về ban hành Nghị định quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân theo quy định tại Quyết định này để phối hợp với Chi cục Thủy lợi trong công tác quản lý đê La Giang.

đ) Chủ trì triển khai thực hiện công tác cấm biển báo giao thông, các hạng mục đảm bảo an toàn giao thông đối với các đoạn đê có kết hợp giao thông đi qua địa bàn.

Điều 5. Quản lý công qua đê La Giang (đê cấp II)

1. Giao Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh (sau hợp nhất là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy lợi Hà Tĩnh) quản lý các cống: Cầu Ngục, Cầu Khổng, Đức Xá, Đức Diên, Quy Vượng, Trung Lương và Lam Hồng.

2. Giao UBND xã Đức Quang quản lý cống Đức Nhân.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh (sau hợp nhất là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy lợi Hà Tĩnh) và UBND xã Đức Quang sử dụng lực lượng của mình để quản lý mà không thành lập thêm lực lượng quản lý đê nhân dân.

(Chi tiết cụ thể như Phụ lục 2 kèm theo)

Điều 6. Quản lý các tuyến đê cấp IV, cấp V

1. Giao UBND cấp xã trực tiếp quản lý, bảo vệ các tuyến đê cấp IV, cấp V (bao gồm cả công qua đê, kè bảo vệ đê và các công trình phụ trợ khác) trên địa bàn (*Chi tiết cụ thể như Phụ lục 3 kèm theo*).

2. UBND cấp xã phải tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân theo quy định tại Quyết định này để quản lý, bảo vệ các tuyến đê trên địa bàn.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ ĐÊ NHÂN DÂN

Điều 7. Tiêu chuẩn, cơ cấu tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Tiêu chuẩn: Nhân viên quản lý đê nhân dân phải có đủ sức khỏe; có đạo đức, phẩm chất tốt; có trách nhiệm, tâm huyết; có trình độ văn hóa tối thiểu tốt nghiệp trung học cơ sở.

2. Cơ cấu lực lượng quản lý đê nhân dân

a) Mỗi nhân viên quản lý đê nhân dân chịu trách nhiệm quản lý không quá 03km đê trên địa bàn. Số lượng lực lượng quản lý đê nhân dân toàn tỉnh có 124 người, cụ thể quy định tại Phụ lục 4 kèm theo.

b) Lực lượng quản lý đê nhân dân hoạt động dưới sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành đê điều.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập lực lượng quản lý đê nhân dân, không thuộc biên chế nhà nước, được tổ chức theo địa bàn cấp xã và được gọi là “Lực lượng quản lý đê nhân dân” đảm bảo tiêu chuẩn, cơ cấu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 8. Nhiệm vụ, trách nhiệm và chế độ báo cáo của lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Nhiệm vụ: Nhân viên quản lý đê nhân dân thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

2. Chế độ và nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn cơ cấu tổ

chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý dê nhân dân và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực dê điều và phòng, chống thiên tai.

3. Nhân viên quản lý dê nhân dân chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật về việc phát hiện, báo cáo không kịp thời, không chính xác các vụ việc vi phạm, các diễn biến hư hỏng của công trình dê điều và các công trình khác có liên quan đến an toàn của công trình dê điều.

Điều 9. Nguồn kinh phí và chế độ chính sách đối với lực lượng quản lý dê nhân dân

1. Chế độ chính sách đối với nhân viên quản lý dê nhân dân
 - a) Nhân viên quản lý dê nhân dân được hưởng chế độ thù lao hàng tháng bằng 0,5 mức lương cơ sở.
 - b) Chế độ chính sách khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý dê nhân dân.
2. Nguồn kinh phí
 - a) Kinh phí để chi trả thù lao cho lực lượng quản lý dê nhân dân hằng năm được trích từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai (phần Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh quản lý).
 - b) Kinh phí để mua trang thiết bị cho lực lượng quản lý dê nhân dân được trích từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai (phần cấp xã giữ lại).

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dê

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về dê điều được quy định tại Luật Dê điều và các quy định pháp luật có liên quan đối với các công trình dê điều được phân cấp quản lý.
2. Hằng năm tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá hiện trạng dê điều, xây dựng và triển khai phương án hộ dê trên địa bàn, kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh các nội dung cần khắc phục, sửa chữa.
3. Hướng dẫn hoạt động và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng này; thường xuyên chỉ đạo rà soát việc đáp ứng nhân lực và năng lực kinh nghiệm để kịp thời điều chỉnh phù hợp, đáp ứng yêu cầu đề ra của lực lượng quản lý dê nhân dân.

4. Chỉ đạo phòng chức năng cấp xã phối hợp với Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành đê điều, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân.

5. Hàng năm, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ chi trả thù lao cho lực lượng quản lý đê nhân dân gửi Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

6. Trực tiếp ký hợp đồng, đánh giá, nghiệm thu công việc, chi trả thù lao và xử lý chấm dứt hợp đồng khi không hoàn thành nhiệm vụ đối với các nhân viên quản lý đê nhân dân trên địa bàn.

7. Bố trí nguồn quỹ phòng, chống thiên tai cấp xã giữ lại để mua sắm trang thiết bị cho lực lượng quản lý đê nhân dân.

8. Thực hiện quy định về chế độ và nội dung báo cáo theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

9. Tổ chức tiếp nhận các tuyến đê cấp IV, cấp V được đầu tư xây dựng mới trên địa bàn và quản lý theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 11. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều trên địa bàn theo quy định của Luật Đê điều và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê thành lập, tổ chức hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn.

3. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi: Thực hiện nhiệm vụ quản lý trực tiếp tuyến đê La Giang (đê cấp II) và thực hiện nhiệm vụ của lực lượng quản lý đê chuyên trách. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân; chỉ đạo Hạt quản lý đê chuyên trách phối hợp với lực lượng quản lý đê nhân dân trong việc thường xuyên kiểm tra, tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, tham gia xử lý sự cố đê điều.

4. Phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan hằng năm tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá hiện trạng đê điều trên địa bàn tỉnh, kịp thời tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

Điều 12. Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch đầu tư công các dự án đề điều cần nâng cấp, kiên cố theo từng giai đoạn.

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đề có kết hợp giao thông.

2. Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường trong tham mưu UBND tỉnh có ý kiến đối với việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông liên quan đến đề điều theo quy định tại Điều 28 Luật Đề điều; khoản 4 Điều 2 Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều sửa đổi 2020.

Điều 14. Cơ quan Quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai./.